

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2020

BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN (DỰ KIẾN)

Học kỳ: I

Năm học: 2019 - 2020

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	CD11701854	Phan Thanh	Duy	C17_CDT01	9	8	8	10	7	15	2	59	Trung bình	**,****
2	CD11704588	Võ Thành	Son	C17_CDT01	10	8	8	0	9	15	2	52	Trung bình	**,***,****
3	CD11701853	Nguyễn Văn	Toàn	C17_CDT01	9	12	8	10	7	15	2	63	Trung bình khá	**,****
4	CD11802256	Cao Hữu	Huy	C18_CDT01	10	8	1	12	13	15	8	67	Trung bình khá	***
5	CD11801238	Trần Gia	Huy	C18_CDT01	10	8	1	20	10	15	8	72	Khá	****
6	CD11801110	Bùi Tấn	Quý	C18_CDT01	10	8	1	22	8	15	8	72	Khá	
7	CD61702853	Nguyễn Văn Phúc	Anh	C17_TP01	10	9	6	25	11	15	10	86	Tốt	
8	CD61701411	Trần Anh	Hào	C17_TP01	10	12	6	20	11	15	2	76	Khá	****
9	CD61704610	Lâm Thụy	Khanh	C17_TP01	10	12	6	20	11	15	9	83	Tốt	****
10	CD61701381	Huỳnh Thị Xuân	Linh	C17_TP01	10	12	6	20	11	15	2	76	Khá	****
11	CD61702818	Nguyễn Ngọc	Minh	C17_TP01	10	12	6	20	11	15	2	76	Khá	****
12	CD61701749	Trương Tuyết	Nhi	C17_TP01	10	12	6	0	11	15	2	56	Trung bình	**,***,****
13	CD61700373	Phạm Thị Hoàng	Oanh	C17_TP01	10	12	6	20	11	15	2	76	Khá	****
14	CD61700710	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	C17_TP01	10	8	6	20	11	15	10	80	Tốt	****
15	CD61704738	Vũ Phạm Mỹ	Thuệ	C17_TP01	10	12	6	20	11	15	2	76	Khá	****
16	CD61705237	Bạch Ngọc Phương	Trinh	C17_TP01	10	12	6	20	11	15	2	76	Khá	****
17	CD51704791	Phạm Thành	Công	C17_TH01	10	12	8	25	10	15	10	90	Xuất sắc	
18	CD51702144	Trần Hữu	Công	C17_TH01	10	12	8	20	9	15	10	84	Tốt	****
19	CD51700377	Nguyễn Tấn	Dũng	C17_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	***,****

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
20	CD51704650	Huỳnh Hữu Minh	Hiền	C17_TH01	10	12	8	20	10	15	10	85	Tốt	****
21	CD51704730	Ngô Minh	Hoàng	C17_TH01	10	12	8	20	9	15	10	84	Tốt	****
22	CD51702698	Nguyễn Đăng	Huy	C17_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	****
23	CD51700628	Phạm Thị Mỹ	Khanh	C17_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	***
24	CD51704599	Lý Gia	Khánh	C17_TH01	10	12	8	20	10	15	10	85	Tốt	****
25	CD51704583	Bùi Anh	Kiệt	C17_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	**,***,****
26	CD51700569	Võ Hoàng Anh	Kiệt	C17_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	**,***,****
27	CD51704593	Đỗ Hùng	Mạnh	C17_TH01	10	8	8	20	10	15	10	81	Tốt	****
28	CD51704752	Đặng Trọng	Nhân	C17_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	**,***,****
29	CD51704604	Mạch Mỹ	Nhi	C17_TH01	10	12	8	25	10	15	10	90	Xuất sắc	
30	CD51705136	Nguyễn Tiến	Phát	C17_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	**,***,****
31	CD51704758	Phạm Hồng	Phúc	C17_TH01	10	12	8	20	10	15	10	85	Tốt	****
32	CD51704578	Võ Lê	Phúc	C17_TH01	10	12	8	25	10	15	10	90	Xuất sắc	
33	CD51704626	Trình Hoàng	Son	C17_TH01	10	12	8	20	10	15	10	85	Tốt	****
34	CD51705144	Nguyễn Phát	Tài	C17_TH01	10	8	4	20	10	15	10	77	Khá	****
35	CD51703033	Huỳnh Quang	Thái	C17_TH01	10	12	8	20	10	15	10	85	Tốt	****
36	CD51704653	Nguyễn Quốc	Trung	C17_TH01	10	12	7	20	16	13	10	88	Tốt	
37	CD51702426	Nguyễn Chí	Tường	C17_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	**,***,****
38	CD51500162	Nguyễn Dương Hoàng	Ân	C18_TH01	10	8	1	0	10	15	2	46	Yếu	**,***,****
39	CD51509021	Nguyễn Minh	Châu	C18_TH01	10	12	0	20	10	15	2	69	Trung bình khá	****
40	CD51802756	Tất Nghệ	Cường	C18_TH01	9	6	0	18	7	15	2	57	Trung bình	****
41	CD51806147	Vương Tuấn	Đạt	C18_TH01	10	12	0	10	10	15	2	59	Trung bình	**,****
42	CD51804216	Phạm Trung Hoàng	Giang	C18_TH01	10	12	0	15	10	15	2	64	Trung bình khá	***
43	CD51806355	Trần Minh	Hòa	C18_TH01	10	10	0	25	10	15	8	78	Khá	*
44	CD51806476	Koóng Giang Vũ	Hung	C18_TH01	10	9	0	25	10	15	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
45	CD51806394	Trần Huỳnh Tiến	Hưng	C18_TH01	10	9	1	25	10	15	2	72	Khá	
46	CD51806373	Trần Quang	Khang	C18_TH01	9	10	1	7	10	15	2	54	Trung bình	***,****
47	CD51803061	Trương Tri	Khanh	C18_TH01	10	6	0	25	10	15	2	68	Trung bình khá	
48	CD51801001	Trương Duy	Linh	C18_TH01	10	9	1	23	13	15	9	80	Tốt	
49	CD51806180	Trịnh Thông	Long	C18_TH01	9	12	0	8	10	15	2	56	Trung bình	** ,****
50	CD51800576	Tạ Phú	Minh	C18_TH01	9	6	0	6	20	15	2	58	Trung bình	** ,****
51	CD51806196	Trần Minh	Nghĩa	C18_TH01	10	12	0	20	10	15	2	69	Trung bình khá	****
52	CD51806145	Nguyễn Thành	Ngôn	C18_TH01	9	8	5	16	10	15	2	65	Trung bình khá	****
53	CD51803811	Lâm Phúc	Nguyên	C18_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	****
54	CD51803835	Nguyễn Minh	Thiện	C18_TH01	10	9	0	20	10	15	2	66	Trung bình khá	****
55	CD51804152	Tạ Chí	Thức	C18_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	** ,*** ,****
56	CD51806422	Đào Ngọc	Tiến	C18_TH01	10	12	0	20	10	15	2	69	Trung bình khá	****
57	CD51806211	Huỳnh Lâm Khánh	Trương	C18_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	*** ,****
58	CD51800495	Võ Minh	Việt	C18_TH01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	** ,****
59	CD51806203	Lê Thị Tú	Xương	C18_TH01	10	12	0	20	10	15	9	76	Khá	****
60	CD31806161	Đặng Thanh	Bảo	C18_DDT01	9	12	4	25	10	13	9	82	Tốt	
61	CD31803381	Nguyễn Thành	Duyên	C18_DDT01	10	11	2	25	10	13	10	81	Tốt	*
62	CD31801461	Nguyễn Văn Minh	Thuận	C18_DDT01	10	12	4	25	13	13	10	87	Tốt	
63	CD31804031	Phạm Quang	Tường	C18_DDT01	10	10	4	20	12	13	10	79	Khá	*,****
64	CD91701657	Phạm Sơn	Thiện	C17_TK2TT	10	9	4	20	18	15	2	78	Khá	****
65	CD91704766	Tôn Nữ Nhật Phương	Linh	C17_TK3DH	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	** ,*** ,****
66	CD91700547	Võ Thị Kim	Ngọc	C17_TK3DH	9	9	2	10	5	10	2	47	Yếu	*** ,****
67	CD91700760	Nguyễn Thanh	Tùng	C17_TK4NT	10	9	2	20	8	15	6	70	Khá	****
68	CD91801433	Huỳnh Lệ	Hoa	C18_TK3DH	10	9	0	20	0	8	2	49	Yếu	****
69	CD91800896	Phạm Huỳnh Gia	Lâm	C18_TK3DH	10	12	8	20	9	14	2	75	Khá	****

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
70	CD91806153	Lâm Kim	Châu	C18_TK4NT	10	12	4	25	2	15	2	70	Khá	
71	CD81803122	Đỗ Đạt	Hải	C18_XD01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	**,***,****
72	CD81802402	Lương Tuấn	Huy	C18_XD01	10	12	2	0	5	15	8	52	Trung bình	**,***,****
73	CD81802755	Lưu Thế	Thịnh	C18_XD01	9	12	2	0	5	15	8	51	Trung bình	**,***
74	CD71704668	Võ Nguyễn Thúy	An	C17_KD01	10	6	0	20	4	15	2	57	Trung bình	****
75	CD71701531	Dư Ngọc	Anh	C17_KD01	10	8	8	25	12	10	2	75	Khá	
76	CD71705197	Phạm Thị Lan	Anh	C17_KD01	10	8	8	25	12	15	2	80	Tốt	
77	CD71704636	Dương Thị Ngọc	Bích	C17_KD01	10	10	0	25	0	15	10	70	Khá	*
78	CD71704788	Lê Phan Hà	Đông	C17_KD01	10	6	0	15	0	15	2	48	Yếu	**
79	CD71701794	Nguyễn Thanh	Duy	C17_KD01	10	8	2	15	10	10	2	57	Trung bình	***
80	CD71700626	Lê Minh	Hào	C17_KD01	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
81	CD71704638	Nguyễn Thị	Hậu	C17_KD01	10	8	8	25	12	15	2	80	Tốt	
82	CD71704647	Phạm Minh	Hậu	C17_KD01	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
83	CD71704637	Trần Nguyễn Thanh	Huyền	C17_KD01	10	9	6	25	13	10	2	75	Khá	
84	CD71704737	Huỳnh Yên	Kinh	C17_KD01	10	12	0	25	4	15	2	68	Trung bình khá	
85	CD71701984	Huỳnh Trần Tuyết	Lan	C17_KD01	10	12	4	25	6	12	2	71	Khá	
86	CD71705149	Diệp Yên	Nhi	C17_KD01	10	6	4	25	14	15	2	76	Khá	
87	CD71704657	Nguyễn Thị	Như	C17_KD01	10	8	2	25	14	15	10	84	Tốt	
88	CD71702582	Lợi Thiên	Nhung	C17_KD01	9	6	2	25	5	15	2	64	Trung bình khá	
89	CD71700113	Nguyễn Phạm Trúc	Quyên	C17_KD01	10	6	4	25	14	15	2	76	Khá	
90	CD71704590	Đình Thị Bích	Thảo	C17_KD01	10	6	4	25	14	15	2	76	Khá	
91	CD71704790	Đình Quốc	Toản	C17_KD01	10	8	0	20	0	15	2	55	Trung bình	****
92	CD71603589	Huỳnh Lê Ngọc	Trâm	C17_KD01	9	12	0	0	0	8	2	31	Yếu	**,***,****
93	CD71702289	Lê Ngọc Phương	Uyên	C17_KD01	10	6	0	25	4	15	2	62	Trung bình khá	
94	CD71704672	Lê Võ Thùy	Uyên	C17_KD01	10	6	4	20	14	15	2	71	Khá	****

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
95	CD71704648	Nguyễn Thị Cẩm	Vàng	C17_KD01	10	8	0	20	4	15	2	59	Trung bình	****
96	CD71701817	Nguyễn Thanh	Xuân	C17_KD01	10	6	0	20	4	15	2	57	Trung bình	****
97	CD71704591	Huỳnh Hoa Hải	Yến	C17_KD01	9	12	2	20	5	15	2	65	Trung bình khá	****
98	CD71703054	Phan Hoàng Bảo	Yến	C17_KD01	10	6	0	25	4	15	2	62	Trung bình khá	
99	CD71800727	Đông Vũ	Anh	C18_KD01	10	6	8	25	15	15	2	81	Tốt	
100	CD71804038	Hoàng Thị Anh	Đào	C18_KD01	10	8	8	10	4	15	2	57	Trung bình	***,****
101	CD71802959	Trần Tấn	Đạt	C18_KD01	10	6	8	0	15	15	2	56	Trung bình	**,***,****
102	CD71806526	Nguyễn Đức	Duy	C18_KD01	10	12	4	10	15	15	2	68	Trung bình khá	***,****
103	CD71801195	Nguyễn Lưu Anh	Duy	C18_KD01	10	8	8	0	15	15	2	58	Trung bình	**,***,****
104	CD71806506	Nguyễn Quốc	Duy	C18_KD01	10	8	8	15	2	15	2	60	Trung bình khá	**
105	CD71803594	Đình Thị Thu	Hà	C18_KD01	10	8	8	0	15	15	2	58	Trung bình	**,***,****
106	CD71806334	Nguyễn Duy	Hải	C18_KD01	10	12	8	25	4	15	9	83	Tốt	
107	CD71806186	Phạm Hoàng	Hải	C18_KD01	10	8	8	20	15	15	2	78	Khá	****
108	CD71806155	Tiêu Vinh	Hào	C18_KD01	10	12	8	25	15	15	9	94	Xuất sắc	
109	CD71801408	Ngô Minh	Hiền	C18_KD01	10	6	8	0	15	15	2	56	Trung bình	**,***,****
110	CD71806264	Trịnh Huy	Hoàng	C18_KD01	10	6	8	0	10	15	2	51	Trung bình	**,***,****
111	CD71806398	Trương Gia	Huệ	C18_KD01	10	8	8	5	15	15	2	63	Trung bình khá	**,***
112	CD71806200	Lữ Phạm Minh	Huy	C18_KD01	10	12	8	20	15	15	2	82	Tốt	****
113	CD71806375	Ngô Sáng	Huy	C18_KD01	10	6	8	10	4	15	2	55	Trung bình	***,****
114	CD71804183	Phan Thanh	Huy	C18_KD01	10	12	8	10	2	15	2	59	Trung bình	**,****
115	CD71800185	Hà Duy	Mẫn	C18_KD01	10	8	8	25	2	15	2	70	Khá	
116	CD71801072	Nguyễn Lê Kiều	Nga	C18_KD01	10	8	8	25	4	15	2	72	Khá	
117	CD71806345	Nguyễn Thị	Nhớ	C18_KD01	10	9	8	25	4	15	9	80	Tốt	
118	CD71806487	Lê Đăng	Ninh	C18_KD01	10	6	4	10	15	15	2	62	Trung bình khá	**,****
119	CD71806187	Phạm Thanh	Phong	C18_KD01	0	6	0	0	0	0	2	8	Kém	**,***,****

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
120	CD71800588	Lê Anh	Phúc	C18_KD01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
121	CD71800515	Trần Thị Mỹ	Phụng	C18_KD01	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt	
122	CD71701227	Nguyễn La Phú	Thành	C18_KD01	10	8	8	0	15	15	2	58	Trung bình	**,***,****
123	CD71800093	Nguyễn Trần Thanh	Thảo	C18_KD01	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
124	CD71804229	Bùi Nguyễn Kim	Toàn	C18_KD01	10	6	8	10	2	15	2	53	Trung bình	***,****
125	CD71806222	Nguyễn Thùy Thanh	Trúc	C18_KD01	10	8	8	15	2	15	2	60	Trung bình khá	**

Ghi chú:

1. Các mục cộng điểm:

*: SV đạt thành tích đặc biệt trong học tập và rèn luyện (được khen thưởng từ các cấp).

2. Các mục bị trừ điểm:

** : SV không thực hiện Khám sức khỏe định kỳ năm học 2019-2020.

***: SV không đạt bài thu hoạch Tuần sinh hoạt công dân đầu năm, giữa khóa và đầu khóa năm học 2019-2020.

****: SV không thực hiện khai báo Ngoại trú năm học 2019-2020.

3. Các trường hợp khiếu nại hoặc thắc mắc SV liên hệ trực tiếp Phòng Công tác Sinh viên (Phòng A.406) từ ngày 08/5/2019 đến trước ngày 28/5/2019 để được giải quyết.